TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 73/2024/ HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2024
V/v *tranh chấp ly hôn, nuôi con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU- TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yến Nhi
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khưu Liên Dung
Bà Dư Thị Út

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tô Hồng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Như – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.
Chỗ ở hiện nay: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.
- Bị đơn: Anh Tô Thiện T, sinh năm 1986 (Có mặt)
Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thùy Trang trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh Đông A, huyện Giá Rai (nay là thị xã Giá Rai), tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/10/2014, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh T thường hay ghen tuông vô cớ và thường xuyên xúc phạm chị. Mâu thuẫn

hiện nay đã trầm trọng nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chung vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Tô Thiện N, sinh ngày 15/10/2015. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu N (Hiện nay cháu N đang sống cùng chị T).

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2024 và tại phiên tòa hôm nay anh Tô Thiện Tùng là bị đơn trong vụ án trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với ý kiến của chị T về quá trình chung sống vợ chồng từ năm 2014. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã phong Thạnh Đông A, huyện Giá Rai (nay là thị xã Giá Rai), tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn chủ yếu là do chị T làm ăn thua lỗ dẫn đến trầm cảm và chị T dọn ra ngoài ở riêng từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì anh còn rất thương vợ con hơn nữa chị Trang đang trầm cảm nên anh muốn chăm sóc chị T. Ngoài ra, anh muốn cho con có đủ cả cha lẫn mẹ nên nay chị T xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Tô Thiện N, sinh ngày 15/10/2015. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh đồng ý giao cháu N cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Về hôn nhân: Chị T và anh T chung sống có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị T và anh T đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được và vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 10 năm 2023 đến nay nên việc chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: Chị T và anh T có 01 người con chung tên Tô Thiện N, sinh ngày 15/10/2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục

được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nhân và anh T đồng ý giao cháu N cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên ghi nhận sự tự nguyện của anh T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Tô Thiện T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh T hiện đang cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị Thùy T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Trang theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy T và anh Tô Thiện T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 24/10/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh Đông A, huyện Giá Rai (nay là thị xã Giá Rai), tỉnh Bạc Liêu trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi vã. Tại phiên tòa anh T xác định vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn gay gắt nhất từ đầu năm 2023 do chị T đi tập Yoga và tụ tập bạn bè ăn chơi với nhau anh và gia đình có khuyên bảo nhiều lần nhưng chị T vẫn không thay đổi nên vợ chồng có xảy ra cãi vã và chị T đã dọn ra ngoài ở riêng từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh T. Tuy nhiên, anh T không đồng ý ly hôn với chị T với lý do anh T còn thương vợ con. Tại khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*". Tuy nhiên, anh T với chị T lại không sống chung cùng nhau, không chăm sóc, giúp đỡ nhau

từ tháng 10 năm 2023 đến nay thể hiện anh T không yêu thương, tôn trọng, quan tâm và chăm sóc chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Tô Thiện N, sinh ngày 15/10/2015. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N và anh T đồng ý giao cháu N cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên ghi nhận sự tự nguyện của anh T nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị T đã được giải thích theo quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi các con thành niên nhưng chị T vẫn không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[8] Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Thùy T được ly hôn với anh Tô Thiện T.

2/. Về con chung: Giao cháu Tô Thiện N, sinh ngày 15/10/2015 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Hiện nay cháu N đang sống cùng chị T). Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị T không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Lê Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng. Chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002594 ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

7/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP Bạc Liêu;
- THA TP. Bạc Liêu;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Yến Nhi